TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST
Ngày: 10-8-2017
V/v: "T/c hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯƠC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đông Quang
Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Dương Xuân Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thị Xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2015/TLST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2015 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (sau đây được viết tắt là: Ngân hàng N)
Địa chỉ: phường L, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân T – Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh thị xã P, Bình Phước (Theo quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đình K – sinh năm 1978 – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh thị xã P, Bình Phước (Theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2016 của Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh thị xã P, Bình Phước).
Địa chỉ: Khu phố E, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ X (sau đây được viết tắt là: Công ty TNHH MTV TM&DV X)

Địa chỉ trụ sở: khu phố F, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1970 - Chức vụ: Giám đốc Công ty (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Trường X, sinh năm 1970 (vắng mặt)
- Bà Trần Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt)
- Chị Vũ Thùy N, sinh năm 1991 (vắng mặt)
- Anh Vũ Cao S, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố F, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình K trình bày:

Ngân hàng N - Chi nhánh P có cho Công ty TNHH MTV TM&DV X do Bà Trần Thị T làm Giám đốc vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số: LAV 2012 03004 ngày 18/12/2012, chi tiết như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 1.650.000.000đ

Lãi suất: 14%/năm; Lãi suất cho vay được thay đổi theo quy định của Ngân hàng N tỉnh Bình Phước tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của N Việt Nam, Lãi suất quá hạn 17.25%/năm.

Thời hạn vay: 12 tháng (trả vào ngày 18/12/2013)

Mục đích vay: Kinh doanh thu mua nông sản.

Hình thức bảo đảm nợ vay:

1.Thế chấp Quyền sử dụng đất (sau đây được viết tắt là QSDĐ) số BD 933785 với diện tích 157m2 do UBND thị xã P , tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/1/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T và QSDĐ số: AD 159873 với diện tích 366m2 do UBND thị xã P , tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2005 cho hộ Bà Trần Thị T, theo hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất số 5605 LVA 2012 ký ngày 24/10/2012.

2.Thế chấp QSDĐ số: V 599296 với diện tích 11077m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/8/2002 cho hộ Ông Vũ Trường X và QSDĐ số BB 020474 với diện tích 2498m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/7/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T theo hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất 5605LVA2012 ký ngày 24/10/2012.

Tính đến ngày 10/8/2017, Công ty TNHHMTV TM&DV X còn nợ Ngân hàng N - chi nhánh P số tiền:

Nợ gốc: 1.356.295.409đ.

Lãi trong hạn: 879.896.762đ.

Lãi quá hạn: 342.621.299đ.

Tổng cộng gốc và lãi: 2.578.813.470đ.

Do đã đến hạn trả nợ cho Ngân hàng nhưng Công ty không trả được nợ, Ngân hàng đã yêu cầu trả nợ nhưng Công ty không thực hiện. Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH MTV TM&DV X trả nợ tổng số tiền là: 2.578.813.470đ bao gồm gốc và lãi.

Trong trường hợp Công ty không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là các QSDĐ đã thế chấp, cụ thể: QSDĐ số BD 933785 với diện tích 157m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/1/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T; QSDĐ số BB 020474 với diện tích 2498m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/7/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T theo các hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất số 5605 – LAV 2012 ngày 24/10/2012.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết nợ của Công ty tại Ngân hàng thì Công ty phải tiếp tục trả cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Riêng đối với QSDĐ số V 599296 với diện tích 11077m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/8/2002 cho hộ Ông Vũ Trường X và QSDĐ số AD 159873 với diện tích 366m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2005 cho hộ Bà Trần Thị T thì trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã rút yêu cầu xử lý, phát mãi đối với 2 QSDĐ đã thế chấp này.

Công ty còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn Công ty TNHH MTV TM&DV X do Bà Trần Thị T là đại diện theo pháp Luật và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị T, Ông Vũ Trường X, Chị Vũ Thùy N, Anh Vũ Cao S được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng, tuy nhiên tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai của họ (thể hiện tại các bút lục 87, 88) và tại các biên bản hòa giải (Bl 92, 93) họ đều thống nhất là đồng ý với lời trình bày cũng như yêu cầu của Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành vì lý do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước:

Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận tòan bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện của bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan. HĐXX thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thẩm quyền: Ngân hàng N khởi kiện đối với Công ty TNHH MTV TM&DV X có địa chỉ tại khu phố F, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng ". Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng LAV 201203004 ký ngày 18/12/2012 và các hợp đồng thế chấp số 5605LAV 2012 ký ngày 24/10/2012 do Ngân hàng N – Chi nhánh P ký kết với Công ty TNHH MTV TM&DV X được thực hiện vào khoảng thời gian từ ngày 18/12/2012 đến ngày 18/12/ 2013, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký. Khi hết thời hạn vay, Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 26/3/2014, Ngân hàng khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu các bên đương sự cung cấp có căn cứ xác định rằng: vào ngày 18/12/2012, Ngân hàng N – Chi nhánh P và Công ty TNHH MTV – DV&TM X do Bà Trần Thị T là Đại diện theo pháp luật có ký kết 01 Hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV – 2012 03004 với nội dung cụ thể như sau:

Ngân hàng N - chi nhánh P, tỉnh Bình Phước cho Công ty TNHHMTV – TM&DV X vay số tiền : 1.650.000.000đồng.

Lãi suất:14%/Năm; Lãi suất cho vay được thay đổi theo quy định của Ngân hàng N tỉnh Bình Phước tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của NH N, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 18/12/2012 đến ngày 18/12/2013)

Mục đích vay: Kinh doanh thu mua nông sản.

Hình thức bảo đảm nợ vay:

Thế chấp QSDĐ đất số BD 933785 với diện tích 157m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/1/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T; QSDĐ số AD 159873vời diện tích 366m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2005 cho hộ Bà Trần Thị T; QSDĐ số V 599296 với diện tích 11077m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/8/2002 cho hộ Ông Vũ Trường X; QSDĐ số BB 020474 với diện tích 2498m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/7/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T, theo các hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất số 5605 LVA 2012 ký ngày 24/10/2012.

Xét Hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV – 2012 03004 ngày 18/12/2012 được ký kết giữa các bên là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật về nội dung, mục đích, lãi suất vay phù hợp quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Ngân hàng N – Chi nhánh P đã giải ngân cho Công ty TNHH MTV TM&DV X số tiền 1.650.000.000đ, tuy nhiên đến thời điểm trả nợ gốc trên và lãi suất theo hợp đồng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N - Chi nhánh P, Bình Phước. Hiện tại Công ty còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 2.578.813.470đ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ được chấp nhận.

Xét các hợp đồng thế chấp QSDĐ số 5605 – LAV – 20130 ngày 24/10/2012 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh P với Công ty TNHH MTV – TM&DV X. Theo đó, hộ Bà T, Ông X thế chấp các QSDĐ số: BD 933785 với diện tích 157m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/1/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T và QSDĐ số BB 020474 với diện tích 2498m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/7/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp, hộ gia đình Bà T, Ông X gồm: Bà Trần Thị T, Ông Vũ Trường X, Chị Vũ Thùy N và Anh Vũ Cao S thừa nhận đều ký kết trong hợp đồng thế chấp, tự nguyện dùng QSD đất và tài sản gắn liền trên đất thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền vay cho Công ty. Hợp đồng thế chấp trên được ký kết giữa các bên là tự nguyện; nội dung, hình thức, đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Cần xác định các Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của NH N– Chi nhánh P đối với Công ty là có căn cứ chấp nhận.

Riêng đối với QSDĐ số V 599296 với diện tích 11077m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/8/2002 cho hộ Ông Vũ Trường X; và QSDĐ số AD 159873 với diện tích 366m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 16/8/2005 cho hộ Bà Trần Thị T. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, phía Nguyên đơn đã rút yêu cầu về việc xử lý đối với 02 tài sản thế chấp này, do vậy Hội đồng xét xử không xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận .

Chi phí thẩm định tài sản là 3.000.000đ, Nguyên đơn đã đóng, do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu số tiền thẩm định trên, do vậy Bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn số tiền 3.000.000đ.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV TM&DV X phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy đinh.

Do yêu cầu của Ngân hàng N được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, do vậy được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 109; 154; 159; 305; 342; 343; 355; 474 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 219; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với Công ty TNHH MTV TM&DV X .

Buộc Công ty TNHH MTV TM&DV X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tại chi nhánh thị xã P Bình Phước số tiền nợ gốc và lãi phát sinh trong hợp đồng tín dụng số 5605 – LVA – 201203004 ký ngày 18/12/2012 tạm tính đến ngày 10/8/2017 là: 2.578.813.470đ (Hai tỷ, năm trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm mười ba nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng),trong đó:

Nợ gốc: 1.356.295.409đ.

Nợ lãi trong hạn: 879.896.762đ.

Nợ lãi quá hạn: 342.621.299đ.

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV TM&DV X phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc của Hợp đồng tín dụng: số 5605 – LAV – 201203004 ký ngày 18/12/2012 kể từ ngày 11/8/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc của Hợp đồng tín dụng, theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5605–LAV - 201203004 ký ngày 18/12/2012 thì Ngân hàng N – Chi nhánh P được quyền yêu cầu xử lý 02 QSDĐ thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 5605 – LAV – 2012 ngày 24/10/2012 để thi hành án. Các QSDĐ cụ thể là: QSDĐ số BD 933785 với diện tích 157m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/1/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T; QSDĐ số BB 020474 với diện tích 2498m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/7/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T theo các hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất số 5605LVA2012 ký ngày 24/10/2012.

Số tiền thu được sau khi bán đấu giá tài sản thế chấp nếu không đủ để trả nợ cho Ngân hàng N – chi nhánh P theo hợp đồng tín dụng số 5605 – LAV - 201203004 ký ngày 18/12/2012 thì Công ty có trách nhiệm tiếp tục trả nợ, trường hợp còn thừa thì phải trả lại cho các thành viên hộ gia đình Bà T, Ông X, Chị N, Anh S.

Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp cho Công ty các tài sản thế chấp là QSDĐ số BD 933785 với diện tích 157m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/1/2010 cho Ông Vũ Trường X và Bà Trần Thị T; QSDĐ số BB 020474 với diện tích 2498m2 do UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/7/2010 cho Ông Vũ

Trường X và Bà Trần Thị T theo các hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền trên đất số 5605LVA2012 ký ngày 24/10/2012 khi Công ty đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí thẩm định: Công ty TNHH MTV TM&DV X có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng N - chi nhánh P số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV TM&DV X phải chịu 83.576.269đ (Tám mươi ba triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng).

Hoàn trả cho ngân hàng N – chi nhánh P số tiền tạm ứng án phí 34.573.000đ (Ba mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 007842 ngày 05/5/2015 của Cục Thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh BP;VKSND tỉnh BP;*
- *VKSND thị xã Phước Long;*
- *THADS thị xã Phước long;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa